

Bản án số: 51/2022/DS-ST

Ngày: 09/9/2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1/- Bà Lê Thị Xuân Mai
2/- Bà Đặng Thị Ngọc Hằng

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thuận – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Sương - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 268/TLST-DS ngày 02/4/2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 84/2022/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Đặng P, sinh năm 1968

Địa chỉ: Số 67, T, Phường 14, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1968

Địa chỉ: Số 81, đường N, Phường 10, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.
(các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 23/3/2021, Bản tự khai và các biên bản không tiến hành hòa giải được nguyên đơn Bà Huỳnh Đặng P trình bày: Bà Phương và bà Đỗ Thị H có quen biết với nhau và từ năm 2014 đến năm 2019 bà P có cho bà H mượn số tiền 180.000.000 cụ thể như sau:

Ngày 5/4/2014 mượn số tiền 20.000.000 đồng

Ngày 20 âm lịch (không nhớ rõ tháng) mượn số tiền 10.000.000 đồng.

Ngày 20/02/2018 (âm lịch) mượn số tiền 10.000.000 đồng.

Ngày 05/4/2018 mượn số tiền 20.000.000 đồng.

Ngày 28/4/2018 (âm lịch) mượn số tiền 60.000.000, thời hạn vay là 01 năm.

Ngày 07/01/2019 mượn số tiền 25.000.000, thời hạn vay là 01 năm.

Ngày 14/3/2019 mượn số tiền 20.000.000, thời hạn là 06 tháng.

Ngày 23/4/2019 mượn số tiền 15.000.000 đồng, thời hạn 06 tháng.

Mỗi khi bà H mượn tiền hai bên đều viết giấy mượn tiền, thời hạn từ 06 tháng đến 01 năm, không thỏa thuận lãi suất. Tuy nhiên đến nay thời hạn mượn đã qua từ lâu, bà P cũng đã nhiều lần nhắc nhở và đề nghị bà H phải trả tiền cho bà P nhưng bà H vẫn không trả, do đó bà P khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Đỗ Thị H phải trả cho bà P số tiền còn nợ là 180.000.000 đồng, bà P không yêu cầu bà H phải trả tiền lãi, yêu cầu trả một lần ngay khi quyết định, bản án của Tòa có hiệu lực pháp luật.

Mỗi khi mượn tiền của bà P chỉ có một mình bà H mượn do đó bà P chỉ yêu cầu một mình bà H phải trả. Ngoài ra bà P không yêu cầu chồng bà H phải trả cùng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/3/2022 bà Đỗ Thị H trình bày: Bà H xác nhận bà có quen biết với bà Huỳnh Thị P và bà có vay của bà P số tiền 60.000.000 đồng, có lãi suất, trong quá trình vay bà có trả cho bà P nhưng đã trả được bao nhiêu thì bà không nhớ, mỗi khi trả tiền hai bên không ký giấy nhận tiền. Bà H cũng xác nhận các giấy ghi tay đề các ngày Ngày 20 âm lịch (không nhớ rõ tháng) mượn số tiền 10.000.000 đồng; ngày 05/4/2015 mượn số tiền 20.000.000 đồng; ngày 20/02/2018 (âm lịch) mượn số tiền 10.000.000 đồng; ngày 05/4/2018 mượn số tiền 20.000.000 đồng; ngày 28/4/2018 mượn số tiền 60.000.000, thời hạn vay là 01 năm; ngày 07/01/2019 mượn số tiền 25.000.000, thời hạn vay là 01 năm; ngày 14/3/2019 mượn số tiền 20.000.000, thời hạn là 06 tháng; ngày 23/4/2019 mượn số tiền 15.000.000 đồng, thời hạn 06 tháng là do bà viết, ký tên và lấn tay. Đối với việc bà P khởi kiện yêu cầu bà phải trả số tiền 180.000.000 đồng thì bà sẽ thỏa thuận lại với bà P.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn bà Huỳnh Đăng P xác nhận lại yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Trong quá trình vay tiền thì vào ngày 08/7/2019 và ngày 05/9/2019 bà Đỗ Thị H có trả cho bà được tổng số tiền là 12.000.000 đồng. Do đó tại phiên tòa hôm nay bà P yêu cầu Tòa án buộc bà Đỗ Thị H phải trả cho bà số tiền còn nợ là 168.000.000 đồng, bà P không yêu cầu bà H phải trả tiền lãi, yêu cầu trả một lần ngay khi quyết định, bản án của Tòa có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Đỗ Thị H trình bày: Bà xác nhận có vay tiền của bà Huỳnh Thị P nhưng chỉ vay số tiền 60.000.000 đồng, hàng tháng bà phải trả cho bà P số tiền 6.000.000 đồng là tiền lãi và số nợ trên bà đã trả hết cho bà P, nay bà đề nghị bà P cho bà tiếp tục được trả số tiền 30.000.000 đồng là tiền lãi của một năm rưỡi chưa trả. Đối với việc bà P yêu cầu bà phải trả số tiền đã vay là 168.000.000 đồng thì bà không đồng ý vì bà đã trả hết số tiền đã vay cho bà P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán là đúng thủ tục tố tụng qui định. Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện Kiểm Sát đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và thủ tục tố tụng :

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà Huỳnh Đăng P khởi kiện bị đơn bà Đỗ Thị H phải trả số tiền nợ vay theo “Các giấy vay tiền các ngày Ngày 05/4/2015 ;Ngày 20/02/2018 (âm lịch) ;Ngày 05/4/2018 ; Ngày 28/4/2018 ; Ngày 07/01/2019 ; Ngày 14/3/2019; Ngày 23/4/2019”, nên đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền: Tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án thì bị đơn bà Đỗ Thị H đang thực tế cư trú tại số 81, đường N, Phường 10, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh do đó theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 32; Điểm c Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về áp dụng quy định pháp luật để giải quyết vụ án: Xét nguyên đơn nộp đơn khởi kiện ngày 22/3/2022 và Các giấy mượn tiền được diễn ra từ năm 2014 đến năm 2019, nên áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[3]. Về yêu cầu của Nguyên đơn: Nguyên đơn bà Huỳnh Đăng P yêu cầu buộc bị đơn bà Đỗ Thị H phải trả số tiền còn nợ là 168.000.000 đồng. Yêu cầu trả một lần ngay khi bản án của Tòa có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ các giấy vay tiền viết tay

Ngày 5/4/2014 mượn số tiền 20.000.000 đồng

Ngày 20 âm lịch (không nhớ rõ tháng) mượn số tiền 10.000.000 đồng.

Ngày 20/02/2018 (âm lịch) mượn số tiền 10.000.000 đồng.

Ngày 05/4/2018 mượn số tiền 20.000.000 đồng.

Ngày 28/4/2018 (âm lịch) mượn số tiền 60.000.000, thời hạn vay là 01 năm.

Ngày 07/01/2019 mượn số tiền 25.000.000, thời hạn vay là 01 năm.

Ngày 14/3/2019 mượn số tiền 20.000.000, thời hạn là 06 tháng.

Ngày 23/4/2019 mượn số tiền 15.000.000 đồng, thời hạn 06 tháng.

Căn cứ lời khai tại phiên tòa bà Đỗ Thị H xác nhận các giấy ghi tay trên đều do bà trực tiếp viết, ký tên và lấn tay.

Căn cứ lời trình bày tại phiên tòa của bà Huỳnh Đăng P và bà Đỗ Thị H, trong quá trình vay bà Đỗ Thị H đã trả cho bà P được số tiền 12.000.000 đồng, còn lại 168.000.000 đồng bà H chưa trả.

Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa bà Huỳnh Đăng P và bà Đỗ Thị H có ký kết hợp đồng vay tiền, với số tiền 180.000.000 đồng; thời hạn vay là từ 06 tháng đến 01 năm, không thỏa thuận lãi suất.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 “1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...”

Theo quy định tại Điều 280 Bộ luật Dân sự 2015: “1. Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận. 2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc...”.

Xét số nợ trên đã quá hạn thanh toán nhưng bà Đỗ Thị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là trái với thỏa thuận giữa hai bên và gây thiệt hại cho bà P. Do đó yêu cầu của bà Huỳnh Đăng P về việc buộc bà Đỗ Thị H phải trả số tiền nợ gốc là 168.000.000 đồng trên ngay khi án có hiệu lực là có cơ sở nên được chấp nhận.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Huỳnh Đăng P về việc không yêu cầu bà Đỗ Thị H phải trả lãi đối với số nợ trên.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 8.400.000 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 280; Điều 463; Điều 466; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 4; Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo);

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn bà Huỳnh Đăng P:

- Buộc bà Đỗ Thị H phải có trách nhiệm trả cho bà Huỳnh Đăng P số tiền 168.000.000 đồng. Thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày đến hạn thi hành án và bà Huỳnh Đăng P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Đỗ Thị H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc thanh toán không đủ thì bà Đỗ Thị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Việc thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3/. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đỗ Thị H phải chịu 8.400.000 đồng (Tám triệu bốn trăm ngàn đồng).

Trả lại cho bà Huỳnh Đăng P số tiền 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm ngàn đồng) là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0033015 ngày 02/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

4/. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND Quận 3;
- THADS Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Hoa

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Xuân Mai Đặng Thị Ngọc Hằng Phan Thị Hoa